

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt chủ trương và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh
năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (đợt 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 3847/QĐ-UBND ngày 28/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt danh mục thuốc bổ sung, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao cho đấu thầu tập trung cấp địa phương 6 tháng cuối năm 2021 và năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh.

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 318/TTr-SYT ngày 09/11/2022 và Công văn số 2605/SYT-NVD ngày 17/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 2), cụ thể như sau:

1. Phê duyệt chủ trương cho Sở Y tế mua hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 2) với tổng mức: 73.825.868.550 đồng (*Bảy mươi ba tỷ, tám trăm hai mươi lăm triệu, tám trăm sáu mươi tám nghìn, năm trăm năm mươi đồng*) từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh.

2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, các gói thầu: cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 2), cụ thể:

a) Tên các gói thầu: cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao phục vụ khám chữa bệnh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (đợt 2).

b) Giá trị các gói thầu chi tiết như sau:

TT	Tên Gói thầu	Giá gói thầu (đồng)
1	Gói thầu số 01: Gói Khớp háng nhóm 1 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	9.959.000.000
2	Gói thầu số 02: Gói Khớp háng nhóm 3 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 04 mặt hàng)	9.988.050.000
3	Gói thầu số 03: Gói Khớp háng nhóm 4 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 04 mặt hàng)	7.042.200.000
4	Gói thầu số 04: Gói Khớp háng nhóm 6 năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 02 mặt hàng)	8.735.000.000
5	Gói thầu số 05: Gói Quả lọc thận - lọc màng bụng năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 17 mặt hàng)	9.511.082.100
6	Gói thầu số 06: Gói Quả siêu lọc năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	6.998.400.000
7	Gói thầu số 07: Gói kim châm cứu - kim măng châm năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 02 mặt hàng);	1.765.005.000

8	Gói thầu số 08: Gói khớp Gói năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 01 mặt hàng)	1.820.000.000
9	Gói thầu số 09: Gói Băng keo lụa - Băng dán sườn - Băng thun năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 05 mặt hàng)	5.464.427.000
10	Gói thầu số 10: Gói Cột sống năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 30 mặt hàng)	9.982.020.000
11	Gói thầu số 11: Gói Sinh hóa nước tiểu năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 03 mặt hàng)	193.202.700
12	Gói thầu số 12: Gói Test nhanh năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (gồm 12 mặt hàng)	2.367.481.750

(Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm)

c) Nguồn kinh phí: từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị y tế công lập trên địa bàn tỉnh (bao gồm nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh bảo hiểm y tế, viện phí và các nguồn thu hợp pháp khác...).

d) Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Sở Y tế tỉnh Quảng Nam

đ) Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước.

e) Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ.

f) Thời gian thực hiện lựa chọn nhà thầu: Tháng 11-12/2022.

g) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

h) Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng cung ứng hóa chất, vật tư y tế tiêu hao có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Y tế chịu trách nhiệm thành lập Hội đồng đấu thầu, tổ chuyên gia đấu thầu; phê duyệt tiêu chuẩn kỹ thuật, xuất xứ hàng hóa; phê duyệt hồ sơ mời thầu, kết quả đấu thầu; triển khai thực hiện công tác đấu thầu theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước; đồng thời chịu trách nhiệm về quá trình xác định giá các gói thầu của đơn vị và chủ động cân đối nguồn kinh phí để đảm bảo tổ chức mua sắm hoá chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2022 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh (đợt 2) để phục vụ khám, chữa bệnh theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Sở Y tế triển khai thực hiện các thủ tục đấu thầu đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT TU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ sở y tế công lập (Sở Y tế gửi);
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Tân

Phụ lục I

GÓI THẦU SỐ 01: GÓI KHỚP HÁNG NHÓM 01 NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKKVM NPB	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên công BYT (12/8/2021 - 12/8/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên công BYT (12/8/2021 - 12/8/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá kê hoạch	Thành tiền (VNĐ)
1	7917	1320	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Chuôi xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2. Chôm khớp háng: - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3. Ổ cối lưỡng cực: - Chất liệu: Vỏ ngoài Cobalt-chromium; Polyethylen - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ	ISO, CE	Cái/ gói	Bộ	N1	18	10	91	119	50.000.000_Bệnh viện Quần 11. Số 1497/QĐ-BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	55.000.000_Bệnh viện Quân y 13-Cục Hậu cần-Quần khu 5. Số: 448/QĐ-BV ngày 03 tháng 6 năm 2022	KKG-0390-00207	50.000.000	50.000.000	Bệnh viện Quần 11. Số 1497/QĐ-BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	5.950.000.000
2	8115	1353	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Chuôi xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2. Chôm khớp háng: - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3. Lốp đệm ổ cối: - Chất liệu: polyethylen/(polyethylen + vitamin E) 4. Ổ cối không xi măng - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ.	ISO, CE	Cái/ gói	Bộ	N1	10	9	15	34	55.000.000_Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022	63.000.000_Bệnh viện Quần 11. Số 1497/QĐ-BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	KKG-0801-00110	60.000.000	55.000.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022	1.870.000.000
3	8127	1355	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic	1. Chuôi xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2. Chôm khớp háng: - Chất liệu: Ceramic - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3. Lốp đệm ổ cối : - Chất liệu: polyethylen/(polyethylen + vitamin E) 4. Ổ cối không xi măng: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 5. Vít ổ cối : - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ	ISO, CE	Cái/ gói	Bộ	N1	10	10	11	31	69.000.000_Bệnh viện Đa khoa TW Thái Nguyên. Số: 1575/QĐ-BV ngày 27 tháng 10 năm 2021	75.000.000_Bệnh viện Quần 11. Số 1497/QĐ-BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	KKG-0698-00242	126.603.606	69.000.000	Bệnh viện Đa khoa TW Thái Nguyên. Số: 1575/QĐ-BV ngày 27 tháng 10 năm 2021	2.139.000.000
Tổng cộng:			03 mặt hàng															Tổng tiền:	9.959.000.000

Phụ lục II

GÓI THẦU SỐ 02: GÓI KHỚP HÁNG NHÓM 3 NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BHYT (28/7/2021 - 28/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BHYT (28/7/2021 - 28/7/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá kê hoạch	Thành tiền
1	7905	1318	Khớp háng bán phần không xi măng	1.Chuôi xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy; phù Hydroxyapatite (HA). - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ. 2.Đầu xương đùi: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ. 3.Đầu lưỡng cực (Chôm kép) : - Chất liệu: Bên ngoài Titanium/Titanium alloy/Cobalt chromium/Thép không gỉ; Bên trong: polyethylen. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ.	CE; ISO	Bộ	Bộ	N3	5	138	143	Giá 33.300.999_Số: 4680/QĐ-BVVNTĐ ngày 25 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Việt nam-Thụy Điển Uông Bí	Giá 50.888.000_Số:1724/QĐ- BVĐK ngày 17/6/2022_Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	1/ KKG-0806- 00041 2/ KKG-0289- 00006 3/ KKG-0649- 00038	1/ 49.000.000 2/ 59.000.000 3/ 60.000.000	40.000.000	Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Thống Nhất	5.720.000.000
2	7911	1319	Khớp háng bán phần không xi măng chuôi dài	1.Cuống xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy; phù Hydroxyapatite (HA). - Kích thước: Chiều dài ≥ 182mm. 2.Đầu xương đùi: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ. 3.Đầu lưỡng cực (Chôm kép): Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/Cobalt Chromium	CE, ISO	Bộ	Bộ	N3	20	15	35	Giá 49.000.000_Số: 1575/QĐ-BV ngày 27 tháng 10 năm 2021_Bệnh viện Đa khoa TW Thái Nguyên	Giá 76.700.00_Số: 755/QĐ- BV ngày 04 tháng 11 năm 2021_Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	1/ KKG-0801- 00106 2/ KKG-1446- 00010 3/ KKG-0647- 00007	1/ 60.000.000 2/ 56.000.000 3/ 77.000.000	52.000.000	Số: 3115/QĐ- BVĐKT ngày 11 tháng 3 năm 2022_BVĐK tỉnh Bình Định	1.820.000.000
3	7959	1327	Khớp háng toàn phần không xi măng ở cối di động kép.	1.Chuôi xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy; phù Hydroxyapatite (HA). - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ. 2.Đầu xương đùi: - Chất liệu: Thép không gỉ. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3.Ổ cối: Di động kép. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 4.Lớp đệm: - Chất liệu: Polyethylen. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ	ISO, CE	Bộ	Bộ	N3	3	20	23	Giá 65.350.000_Số: 868/QĐ- BV199-KD ngày 5 tháng 11 năm 2021_Bệnh viện 199	Giá 85.000.000_Số 6026/QĐ-BV ngày 20 tháng 12 năm 2021_Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	1/ KKG-0535- 00260 2/ KKG-0054- 00493	1/ 71.500.000 2/ 83.580.000	65.350.000	Số 1320/QĐ- BVĐHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022_Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh	1.503.050.000
4	8085	1348	Khớp háng toàn phần không xi măng chuôi dài	1.Cuống xương đùi: - Chất liệu: thép không gỉ. Phù Hydroxyapatite (HA). - Chiều dài: ≥ 182mm 2.Đầu xương đùi: - Chất liệu thép không gỉ. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3.Ổ cối: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 4.Lớp đệm: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 5.Vít cổ định ổ cối: - Chất liệu Titanium/Titanium alloy. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ.	ISO, CE	Bộ	Bộ	N3	-	15	15	Giá 60.000.000_Số : 64/QĐ- BVĐKĐG ngày 25/01/2022_Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	Giá 89.000.000_Số 340/QĐ- BVĐK ngày 24 tháng 3 năm 2022_Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	1/ KKG-0801- 00073 2/ KKG-0801- 00108 3/ KKG-0647- 00006	1/ 85.000.000 2/ 76.000.000 3/ 95.200.000	63.000.000	Số 445 /QĐ-BVĐK ngày 22 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái	945.000.000
Tổng số mặt hàng:				4 mặt hàng													Tổng tiền:	9.988.050.000

Phụ lục III

GÓI KHỚP HÁNG NHÓM 4 NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh mục	STT gốc	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TKCT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKV MNPB	Số lượng toàn tỉnh	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BHYT (29/7/2021 - 29/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BHYT (29/7/2021 - 29/7/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá kê hoạch	Thành tiền (đồng)
1	7833	1306	Khớp háng bán phần lưỡng cực không xi măng	1. Cuồng xương đùi : - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ; phủ lớp HA (Hydroxyapatit) - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2. Đầu xương đùi : - Chất liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3. Đầu lưỡng cực: - Chất liệu : Thép không gỉ + Polyethylene cao phân tử - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ.	ISO, CE	1bộ	Bộ	N4	5	60	28	93	38.500.000 _Bệnh viện C Đà Nẵng. Số 577A/QĐ-BVC ngày 14 tháng 4 năm 2022	51.000.000 _BV ĐK tỉnh Bình Định. Số: 3115/QĐ- BVĐKT ngày 11 tháng 3 năm 2022	KKG-0698-00236	76.253.616	38.500.000	Bệnh viện C Đà Nẵng. Số 577A/QĐ- BVC ngày 14 tháng 4 năm 2022	3.580.500.000
2	7851	1309	Khớp háng bán phần có xi măng	1 Cuồng chòm xương đùi: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2 Chòm xương đùi: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3 Vô đầu chòm: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 4 Lót đầu chòm: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 5 Xi măng 6 Nút chặn 7 Ông tròn	ISO, CE	1bộ	Bộ	N4	5	5	2	12	32.000.000 _Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKT ngày 20 tháng 04 năm 2022	43.280.000 _Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch). Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022	KKG-0054-00204: Cuồng xương đùi: 11.500.000 KKG-0054-00205: Đầu xương đùi: 12.075.000 KKG-0054-00206: Đầu lưỡng cực (Chòm): 19.000.000	42.575.000	32.000.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKT ngày 20 tháng 04 năm 2022	384.000.000
3	8007	1335	Khớp háng toàn phần không xi măng	1/ Cuồng chòm xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2/ Chòm xương đùi: - Chất liệu: Thép không gỉ/CoCrMo. - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3/ ổ cối: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 4/ Lót ổ cối: - Chất liệu: polyethylen/Crosslinked X-HDPE - Đường kính trong: Nhiều kích cỡ 5/Vít ổ cối - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ - Kích thước: Nhiều kích cỡ	ISO, CE	Bộ	Bộ	N4	0	0	11	11	43.700.000 _Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Số: 234 /QĐ- VD ngày 27 tháng 01 năm 2022	68.880.000 _Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch). Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022	KKG-0772-00048	67.500.000	43.700.000	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức. Số: 234 /QĐ-VĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022	480.700.000
4	8055	1343	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on PE.	1/ Cuồng chòm xương đùi: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ - Kích thước: Nhiều kích cỡ 2/ Chòm xương đùi: - Chất liệu :CERAMIC (sứ) - Kích thước: Nhiều kích cỡ. 3/ ổ cối: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy - Kích thước: Nhiều kích cỡ 4/ Lót ổ cối: - Chất liệu: polyethylen - Đường kính: Nhiều kích cỡ 5/Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ - Kích thước: Nhiều kích cỡ	ISO, CE	bộ/túi	Bộ	N4	10	30	9	49	53.000.000 _Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch). Số 759/QĐ- BVE ngày 09 tháng 3 năm 2022	KKG-0625-00830: Ổ cối kim loại không xi măng: 11.235.000 KKG-0625-00839: Lót lót ổ cối bằng polyethylen: 4.200.000 KKG-0625-00865: Chòm xương đùi bằng ceramic: 18.375.000 KKG-0625-00944: Chuôi xương đùi không xi măng: 18.900.000 KKG-0625-00837: Vít ổ định ổ cối: 1.470.000	KKG-0625-00830: Ổ cối kim loại không xi măng: 11.235.000 KKG-0625-00839: Lót lót ổ cối bằng polyethylen: 4.200.000 KKG-0625-00865: Chòm xương đùi bằng ceramic: 18.375.000 KKG-0625-00944: Chuôi xương đùi không xi măng: 18.900.000 KKG-0625-00837: Vít ổ định ổ cối: 1.470.000	54.180.000	53.000.000	Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch). Số 759/QĐ- BVE ngày 09 tháng 3 năm 2022	2.597.000.000
Tổng số mặt hàng:				04 mặt hàng														Tổng tiền:	7.042.200.000

Phụ lục IV

GÓI THÀUSỐ 04: GÓI KHỚP HÁNG NHÓM 6 NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật nhóm đề xuất (HDTĐ)	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BVDKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BHYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá kê hoạch	Thành tiền
1	7842	1307	Khớp háng bán phần không xi măng	1. Cuồng khớp (Chuôi khớp): - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy, phù hợp chất Hydroxiapatite (HA); 2. Chôm khớp (Chôm xương đùi/Đầu xương đùi): - Chất liệu: Cobalt-Chrome; 3. Vò đầu chôm (Đầu lưỡn cực/Chôm lưỡn cực): - Chất liệu Cobalt-Chromium, lót trong nhựa cao phân tử XLPE/UHMWPE. - Kích cỡ: ≥ 39 mm.	ISO, CE	Bộ/ 3 mục	Bộ	N6	100	80	180	33.000.000VND. Số 829/QĐ-BVDHYHN ngày 21 tháng 6 năm 2022 BV Đại học Y Hà Nội	Giá 45.000.000 VND Số 1497 /QĐ- BV ngày 05 tháng 2 năm 2022 BV Quận 11	1.KKG-0648- 00666_KKG-0648- 00704_KKG-0648- 00684 2.KKG-0834-00003 3.KKG-1090-00002	1/36.000.000 2/35.000.000 3/45.000.000	33.000.000	Số 829/QĐ- BVDHYHN ngày 21 tháng 6 năm 2022 BV Đại học Y Hà Nội	5.940.000.000
2	8142	1357	Khớp háng toàn phần không xi măng	1. Cuồng khớp (Chuôi khớp): - Chất liệu Titanium/Titanium alloy, phù hợp chất Hydroxiapatite toàn chuỗi 2. Chôm khớp (Chôm xương đùi/Đầu xương đùi): - Chất liệu Cobalt-Chromium. - Kích thước ≥ 32 mm 3. Lót ổ cối 4. Ổ cối: - Chất liệu Titanium/Titanium alloy. - Kích thước ≥ 48 mm, 5. Vít ổ cối : - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy □	ISO, CE	Bộ/ 5 mục	Bộ	N6	50	15	65	Giá 43.000.000VND Số 4470/QĐ- BVVNTĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022.Bệnh viện Việt Nam – Thụy Điển Uông Bí	Giá 50.000.000 VND Số 1497 /QĐ- BV ngày 05 tháng 2 năm 2022 BV Quận 11	1.1/KKG-0648-00667 1.2/KKG-0648-00711 1.3/KKG-0648-00724 1.4/KKG-0648-00732 1.5/KKG-0648-00740 2/KKG-0834-00008 3/KKG-1090-00001	1/50.300.000 2/45.000.000 3/50.000.000	43.000.000	Số 445 /QĐ- BVĐK ngày 22 tháng 4 năm 2022 Bệnh viện Đa khoa tỉnh Yên Bái □	2.795.000.000
Tổng số mặt hàng:				02 mặt hàng													Tổng tiền:	8.735.000.000

Phụ lục V

PHỤ LỤC 05: GÓI THẦU SỐ 05: GÓI QUẢ LỌC THẬN - LỌC MÀNG BỤNG NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKV MNPB	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Mã kê khai 1	Giá kê khai 1	Mã kê khai 2	Giá kê khai 2	Mã kê khai 3	Giá kê khai 3	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá kế hoạch	Thành tiền
1	552	92	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	- Sản xuất từ vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế - Đóng gói từng bộ, tiết kiệm băng EO gas - Tương thích với nhiều loại máy chạy thận	ISO	Bộ	N6	1.000	4.750	6000	11.750	Giá 42.890_ Số 208/QĐ-BVQ4 ngày 05 tháng 5 năm 2022_ Bệnh viện Quân 4	Giá 78.750_ Số 569/QĐ-TTYYT ngày 12/5/2022_ Trung tâm y tế huyện Yên Phong	KKG-1513-00086	75.000	KKG-0689-00029	58.000	KKG-1117-00002	68.000	49.500	Số 339/QĐ-BVĐK ngày 24 tháng 3 năm 2022_ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị	581.625.000
2	564	94	Bộ dây lọc máu Thận nhân tạo (dùng cho HD và HDF online)	- Sản xuất từ vật liệu PVC theo tiêu chuẩn y tế, không chứa DEHP - Đóng gói từng bộ, tiết kiệm băng EO gas	ISO	Bộ	N6	350	-	3000	3.350	Giá 219.786_ Số: 561/QĐ-BVHN ngày 20 tháng 06 năm 2022_ Bệnh viện Hữu nghị	Giá 252.000_ Số 25/QĐ-BVNL ngày 25 tháng 1 năm 2022_ Bệnh viện ĐKKV Nghĩa Lộ	KKG-0065-00032	300.000					245.000	Số 388/QĐ-SYT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và số 589/QĐ-SYT ngày 08/4/2022_ Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	820.750.000
3	3696	616	Catheter thận nhân tạo 2 nòng	-Catheter chạy thận nhân tạo hai nòng các cỡ, làm từ chất liệu y tế, có cán quang - Dây dẫn đường đầu J - Kim hình chữ Y dẫn đường	ISO	Bộ	N6	50	380	350	780	Giá 285.500_ Số 6026/QĐ-BV ngày 20 tháng 12 năm 2021_ Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	Giá 585.000_ Số: 2588/QĐ-BVMD ngày 20 tháng 12 năm 2021_ Sở Y tế Hà Nội	KKG-0239-00026	450.000	KKG-1465-00067	661.500	KKG-1513-00015	625.000	350.000	Số: 1362 /QĐ-BVĐT ngày 12 tháng 04 năm 2022_ BVĐK Đồng Tháp	273.000.000
4	3720	620	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	- Catheter tĩnh mạch trung tâm hai nòng, các cỡ, làm từ chất liệu y tế, có cán quang - Dây dẫn đường đầu J - Kim luồn hình chữ Y có van - Khóa ba ngã ngăn dịch	ISO	Cái	N6	150	570	500	1.220	Giá 198.000_ Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_ Bệnh viện Thống Nhất	Giá 450.000_ Số 395/QĐ-TTYYT ngày 22 tháng 10 năm 2021_ Trung tâm Y tế huyện Văn Yên	KKG-1292-00064	525.000	KKG-0443-00265	470.000	KKG-1513-00062	395.000	286.000	Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của sở Y tế Hà Giang	348.920.000
5	3732	622	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	- Catheter tĩnh mạch trung tâm ba nòng, các cỡ, làm từ chất liệu y tế, có cán quang - Dây dẫn đường đầu J - Kim luồn hình chữ Y có van - Khóa ba ngã ngăn dịch	ISO	Bộ	N6		238	100	338	Giá 289.000_ Số: 450/QĐ-BVHN ngày 23 tháng 05 năm 2022_ Bệnh viện Hữu nghị	Giá 566.000_ Số: 161/QĐ-BV ngày 08 tháng 03 năm 2022_ Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu	KKG-1974-00096	441.000	KKG-1465-00073	1.050.000	KKG-1513-00063	505.000	313.950	Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của sở Y tế Hà Giang	106.115.100
6	8334	1389	Kim chạy thận nhân tạo các cỡ	- Kim chạy thận nhân tạo các cỡ, không có chất DEHP - Cánh bướm có thể xoay quanh kim - Sản xuất từ chất liệu PVC - Tiết trùng bằng khí EO	ISO	Cái	N6	25.400	60.000	91000	176.400	Giá 4.620_ Số 552/QĐ-BVH ngày 15 tháng 07 năm 2022_ Bệnh viện Đa khoa TW Huế (bao gồm 02 cơ sở)	Giá 10.059_ Số 1156/QĐ-SYT ngày 19 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế Hưng Yên	KKG-0485-00135 KKG-0485-00136	8.500	KKG-0177-00193	13.999	KKG-1117-00001	8.500	4.930	Số 27/QĐ-TTYYT ngày 1 tháng 3 năm 2022_ Trung tâm y tế thành phố Pleiku Gia Lai	869.652.000
7	11670	1945	Quả lọc thận Lowflux 1,4m2	- Quả lọc dùng cho máy thận nhân tạo, được tiết trùng - Diện tích màng: 1.4m ² - Màng lọc Low flux, chất liệu Polyethersulfone	ISO	Quả	N6	2.800	3.200	6000	12.000	Giá 280.245_ Số: 289/QĐ-BV ngày 15 tháng 11 năm 2021_ Bệnh viện đa khoa Trần Văn Thời	Giá 320.000_ Số 736/QĐ-BVĐK ngày 27 tháng 10 năm 2021_ Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	KKG-1196-00005	365.000	KKG-0004-11071	405.241	KKG-1513-00041	325.000	295.000	Số 70/QĐ-BVĐKĐG ngày 08/02/2022_ Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	3.540.000.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKV MNPB	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên công BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên công BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Mã kê khai 1	Giá kê khai 1	Mã kê khai 2	Giá kê khai 2	Mã kê khai 3	Giá kê khai 3	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá kế hoạch	Thành tiền
8	11676	1946	Quả lọc thận Highflux 1,6m2	- Quả lọc dùng cho máy thận nhân tạo, được tiết trùng - Diện tích màng: 1.6m² - Màng lọc High flux, chất liệu Polyethersulfone	ISO	Quả	N6		200	1010	1.210	Giá 286.000_Số 27/QĐ-TTYT ngày 1 tháng 3 năm 2022_Trung tâm y tế thành phố Pleiku Gia Lai	Giá 385.000_Quyết định số 1667/QĐ- BVTWCT ngày 09 tháng 8 năm 2021_Bệnh viện Đa khoa TW Cần Thơ	KKG- 1196- 00002	378.000	KKG- 0619- 00015	430.500	KKG- 1513- 00048	415.000	372.000	Số 2455/QĐ-BV ngày 06 tháng 7 năm 2022_Bệnh viện Quận 11	450.120.000
9	11682	1947	Quả lọc thận Lowflux 1,6m2	- Quả lọc dùng cho máy thận nhân tạo, được tiết trùng - Diện tích màng: 1.6m² - Màng lọc Low flux, chất liệu Polyethersulfone	ISO	Quả	N6	1.000	3.200	3855	8.055	Giá 254.100_Số 1295/QĐ-BV ngày 14 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam	Giá 295.000_Quyết định số 1046/QĐ- SYT ngày 14/10/2021_Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa	KKG- 1196- 00004	375.000	KKG- 0619- 00016	375.900	KKG- 1513- 00043	345.000	285.000	Số 595/QĐ- BVNTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Thống Nhất	2.295.675.000
10	483	81	Bộ chuyển tiếp	Kết nối giữa catheter và túi dịch lọc sử dụng trong thăm phân phúc mạc. Vô khuẩn, không có chất gây sốt	ISO	Cái	N6			10	10	Giá 300.915_Số 218/QĐ- BVNTW ngày 27 tháng 01 năm 2022_Bệnh viện Nhi TW	Giá 315.244_Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Thống Nhất	KKG- 0007- 00032	315.245					310.000	Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của Sở Y tế Hà Giang	3.100.000
11	910	152	Bộ kết nối máy thăm phân phúc mạc người lớn	Bộ kết nối sử dụng trong thăm phân phúc mạc người lớn	ISO	Cái	N6			500	500	Giá 228.000_Số 218/QĐ- BVNTW ngày 27 tháng 01 năm 2022_Bệnh viện Nhi TW	Giá 231.397_Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Thống Nhất	KKG- 0007- 00036	231.397					228.000	Số 714/QĐ- BVAG ngày 01 tháng 7 năm 2022_Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	114.000.000
12	3658	610	Catheter lọc màng bụng người lớn	Catheter (Ống thông) đầu cong dùng thăm phân phúc mạc cho người lớn, dài ≥ 63cm, 2 nút chặn	ISO	Cái	N6			10	10	Giá 2.880.000_Số 375/QĐ-NTP ngày 07 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Giá 2.900.000_Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của Sở Y tế Hà Giang	KKG- 0007- 00035	2.900.000					2.880.000	Số 536/QĐ- BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	28.800.000
13	5439	907	Đầu nối ống thông	Kết nối giữa bộ chuyển tiếp và catheter sử dụng trong thăm phân phúc mạc. Vô khuẩn, không có chất gây sốt	ISO	Cái	N6			10	10	Giá 2.030.000_Số 375/QĐ-NTP ngày 07 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	Giá 2.047.468_Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_Bệnh viện Thống Nhất	KKG- 0007- 00030	2.047.469					2.030.000	Số 536/QĐ- BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	20.300.000
14	7671	1279	Kẹp Catheter	Dùng để kẹp ống thông khí thay bộ chuyển tiếp. Vô khuẩn	ISO	Cái	N6			50	50	Giá 38.500_Số : 70/QĐ- BVĐKĐG ngày 08/02/2022_Bệnh viện Đa khoa Đức Giang	Giá 38.500_Số 536/QĐ- BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022_Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	KKG- 0007- 00039	39.000					38.500	Số: 1344/QĐ- BVNDG ngày 04 tháng 5 năm 2022_Bệnh viện Nguyễn Đình Chiêu tỉnh Bến Tre	1.925.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKV MNPB	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BYT (15/7/2021 - 15/7/2022)	Mã kê khai 1	Giá kê khai 1	Mã kê khai 2	Giá kê khai 2	Mã kê khai 3	Giá kê khai 3	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá kế hoạch	Thành tiền
15	7713	1286	Kẹp xanh	Kẹp túi dịch khi thay dịch	ISO	Cái	N6			50	50	Giá 28.000_ Số 218 /QĐ- BVNTW ngày 27 tháng 01 năm 2022_ Bệnh viện Nhi TW	Giá 28.000_ Số 375/QĐ-NTP ngày 07 tháng 04 năm 2022_ Bệnh viện Nguyễn Tri Phương	KKG- 0007- 00001	28.600					28.000	Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của Sở Y tế Hà Giang	1.400.000
16	9639	1607	Nắp đóng bộ chuyên tiếp	Nắp đóng được sử dụng để bảo vệ đầu khoá nối của bộ chuyên tiếp. Nắp đóng bằng nhựa chứa povidon - iod	ISO	Cái	N6			10000	10.000	Giá 4.900_ Số 536 /QĐ- BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022_ Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh	Giá 4.940_ Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_ Bệnh viện Thống Nhất	KKG- 0007- 00038	4.940					4.900	Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của Sở Y tế Hà Giang	49.000.000
17	12837	2140	Túi đựng dịch xả 15L	Túi đựng dịch xả máy, thể tích ≥ 15L	ISO	Cái	N6			100	100	Giá 64.999_ Số 218 /QĐ- BVNTW ngày 27 tháng 01 năm 2022_ Bệnh viện Nhi TW	Giá 68.094_ Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022_ Bệnh viện Thống Nhất	KKG- 0007- 00031	68.094					67.000	Số 714/QĐ- BVAG ngày 01 tháng 7 năm 2022_ Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	6.700.000
TỔNG CỘNG: 17 KHOẢN																				TỔNG TIỀN:		9.511.082.100

Phụ lục VI

GÓI THẦU SỐ 06: GÓI QUẢ LỌC THẬN NHÂN TẠO SIÊU LỌC NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM
(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐK Khu vực	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKV MNPB	Số lượng toàn tỉnh	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (16/8/2021 - 16/8/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BYT (16/8/2021 - 16/8/2022)	Mã kê khai 1	Giá kê khai 1	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá kế hoạch	Thành tiền
1	2317	387	Quả lọc máu liên tục	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn - Thể tích máu trong quả lọc : 152 ml (±10%). - Diện tích màng: ≥ 0,9 m2.	ISO	Bộ	Bộ	N1	60	333	300	693	Giá 7.300.000 _Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của sở Y tế Hà Giang	Giá 7.650.000 _Số 1095/QĐ-SYT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Sở Y tế tỉnh Bắc Kạn	KKG- 0007-00043	7.446.000	7.300.000	Số 286/QĐ-BV ngày 05 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kiên Giang	5.058.900.000
2	2323	388	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin	Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục - Thể tích máu trong quả lọc: 193 ml (±10%). - Diện tích màng: > 1,5m2.	ISO	Bộ	Bộ	N1		15	17	32	Giá 17.100.000 _Số 1432/QĐ-BVT ngày 25 tháng 05 năm 2022 _Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	Giá 17.100.000 _Số: 671/QĐ-TTMM ngày 07 tháng 06 năm 2022 _Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch)	KKG- 0007-00046	17.442.000	17.100.000	Số 286/QĐ-BV ngày 05 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện đa khoa Tỉnh Kiên Giang	547.200.000
3	2337	390	Bộ quả trao đổi huyết tương	Quả lọc trao đổi huyết tương kết nối sẵn với bộ dây dẫn: - Thể tích máu của cả bộ quả lọc : 127ml (±10%). - Diện tích màng: ≥ 0,35 m2.	ISO	Bộ	Bộ	N1		114	3	117	Giá 11.900.000 _Số 428/QĐ-SYT ngày 06/6/2022 của sở Y tế Hà Giang	Giá 11.900.000 _Số: 671/QĐ-TTMM ngày 07 tháng 06 năm 2022 _Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch)	KKG- 0007-00057	12.138.000	11.900.000	Số: 1864/QĐ-BVT ngày 12 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ninh	1.392.300.000
Tổng cộng: 03 mặt hàng																	Tổng tiền:		6.998.400.000

Phụ lục VII

GỎI THẦU SỐ 07: (Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GÓC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật đề xuất	Tiêu chuan chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TKCT	Số lượng BV HỘI AN	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA LIÊU	Số lượng BV YHCT	Số lượng TTYT NAM TRÀ MY	Số lượng TTYT BẮC TRÀ MY	Số lượng TTYT DIỆN BÀN	Số lượng TTYT ĐÔNG GIANG	Số lượng TTYT DUY XUYỀN	Số lượng TTYT ĐẠI LỘC	Số lượng TTYT PHÚ NINH	Số lượng TTYT TIỀN PHƯỚC	Số lượng TTYT NÔNG SON	Số lượng TTYT NÚI THÀNH	Số lượng TTYT PHƯỚC SON	Số lượng TTYT QUẾ SON	Số lượng TTYT TÂY GIANG	Số lượng TTYT THẮNG BÌNH	Số lượng TTYT TAM KỶ	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKK VMNPB	TTYT Hiệp Đức	TỔNG SỐ LƯU/NG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (16/8/2021 - 16/8/2022)	Giá trúng thầu CAO nhất trên cổng BYT (16/8/2021 - 16/8/2022)	Mã kế khai	Giá kế khai	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lý giá kế hoạch	Thành tiền		
1	8322	1387	Kim châm cứu	Kích cỡ: Các cỡ - Đầu kim sắc nhọn. Kim thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Kim vô trùng.	ISO, EC	10 cây/túi/gói/ hộp.	Cây	N6	500.000	650.000	500	500.000	65.000	150.000	80.000	20.000	120.000	200.000	250.000	30.000	70.000	5.000	100.000	160.000	50.000	60.000	200.000	100.000	750.000	120.000	4.180.500	270, Số Y tế Đà Nẵng. Số: 196/QĐ-SYT ngày 28 tháng 02 năm 2022	1.470, Bệnh viện đa khoa Đầm Dơi, Số 246/QĐ-BV ngày 18 tháng 10 năm 2021	KKG-1790- 00107 KKG-1790- 00106	590	410	536 /QĐ-TTYT ngày 30 tháng 6 năm 2022 Trung tâm y tế huyện Đông Hy Thái Nguyễn	1.714.005.000		
2	8610	1435	Kim massage	Kích cỡ: 0,30mm x 150mm. Kim thép chuyên dụng. Kim vô trùng.	ISO, EC	10 cây/túi/gói/ hộp.	Cây	N6	-		1.000		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.000		17.000	3.000, Số Y tế tỉnh Lai Châu (Phòng Nghị vụ Dược). Số 462/QĐ-SYT ngày 17 tháng 5 năm 2022	7.000, Bệnh viện Y học Cổ truyền tỉnh Lai Châu. Số: 467/QĐ- BVYHCT ngày 21 tháng 12 năm 2021	KKG-0135- 00014	5.000	3.000	Số Y tế tỉnh Lai Châu (Phòng Nghị vụ Dược). Số 462/QĐ-SYT ngày 17 tháng 5 năm 2022	51.000.000			
Mặt hàng:			02 mặt hàng																																				Tổng tiền:	1.765.005.000

Phụ lục VIII

GÓI THẦU SỐ 08: GÓI KHỚP GÓI NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh mục	STT gốc	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKKVMNPB	Số lượng toàn tỉnh	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (29/7/2021 - 29/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên cổng BYT (29/7/2021 - 29/7/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá kê hoạch	Thành tiền (đồng)
901	7809	1302	Khớp gối toàn phần	1/ Lõi cầu xương đùi: - Chất liệu: Colbat-chromium/ Titanium/ Titanium alloy/ thép không gỉ - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 2/ Mâm chày: - Chất liệu: Titanium/Titanium alloy/thép không gỉ - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 3/ Đệm mâm chày - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 4/ Xương bánh chè: - Kích cỡ: Nhiều kích cỡ 5/Xi măng/không xi măng	ISO, CE	Bộ	Bộ	N4	2	20	13	35	52.000.000 _Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022	80.080.000 _Bệnh viện Bạch Mai. Số: 1039/QĐ- BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022	KKG-0698- 00249	98.439.731	52.000.000	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trà Vinh. Số 529 /QĐ-BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022	1.820.000.000
Tổng số: 01 mặt hàng																		Tổng tiền:	1.820.000.000

GÓI THẦU SỐ 09: G (Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh mục	STT ghi	Tên mặt hàng	Mô tả chi tiết về vật tư và yêu cầu kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV HỢI AN	Số lượng BV ĐKKV QUANG NAM	Số lượng BV DAKY LIU	Số lượng BV PHAM THIỆCH	Số lượng BV YHCT	Số lượng BV SAN NHƯ	Số lượng 115	Số lượng TTNT NAM TRÁ MY	Số lượng TTNT BAC TRA MY	Số lượng TTNT DIEN BAN	Số lượng TTNT DONG GIANG	Số lượng TTNT DUỖ XUYEN	Số lượng TTNT HIỆP HUC	Số lượng TTNT ĐẠI LỘC	Số lượng TTNT PHƯỚC SƠN	Số lượng TTNT TIỀN PHƯỚC	Số lượng TTNT NÔNG SƠN	Số lượng TTNT NGUYỄN THANH	Số lượng TTNT PHI CỐC SƠN	Số lượng TTNT QUÊ SƠN	Số lượng TTNT TÂY GIANG	Số lượng TTNT THẮNG BÌNH	Số lượng TTNT TAM KÝ	Số lượng TTNT NAM GIANG	Số lượng BV TÂM THẦN	Số lượng BV MAT	Số lượng BV BA KHOA TINH	Số lượng BVĐKVV MNBP	TỔNG SỐ LƯỢNG TOÀN TỈNH	Giá trung thập thấp nhất cao của công BYT (28/6/2021)	Giá trung thập cao nhất trên công BYT (29/6/2021)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kế hoạch	Cần có bao nhiêu đơn vị mua?	Thành tiền (VNĐ)	
1	100	17	Băng đun sôi	- Băng leno co dân 100%, SOI COTTON, có kèm tra vi sinh. - Kích thước: rộng 8cm - dài ≥ 4,5m. - Lực dính vào tường.	ISO	Cuộn/gói	Cuộn	N4	80	150	-	0	40		20	30	-	10	20	40	40	-	50	0	10	0	30	100	10	40	30	100	-	475	500	1.735	Giá: 115.000,- Số lượng BV NV ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bên h viện Nhi Đa Lai	Giá: 147.000, \$ 3.660QD/- Số lượng BV NV ngày 31 tháng 12 năm 2022, Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Nam	KKG- 0610- 00010	147.648	117.600	Giá: 117.600, \$ 3.953QD/- BV ngày 27 tháng 06 năm 2022, Bên h viện C Đà Nẵng	204.036.000		
2	158	27	Băng đun hà cuộn	- Băng dính hu 100% sợi collagen acrat, có kèm tra vi sinh. - Kích thước: rộng 8cm - dài ≥ 5m. - Lực dính vào tường ≥ 1,5 N/cm	ISO	Cuộn/gói	Cuộn	N2	9.000	22.250	52	5.000	20		3.000	24	1.000	1.200	50	900	2.000	3.300	300	600	200	1000	150	1000	2000	750	4000	2000	1.000	100	450	20.500	31.400	121.846	Giá: 37.000 Bệnh viện Đại học Y Hi Nội Sĩ 729/QD- BVDHYH N ngày 2 tháng 8 năm 2021	Giá: 4.000 Bệnh viện San Nhà Thác Bắc Sơn, Sĩ 729/QD- BVSNS N ngày 27 tháng 5 năm 2022	KKG- 0610- 00002	50.440	38.000	Giá: 38.000, \$ 714QD/- BV ngày 01 tháng 7 năm 2022, Bệnh viện đa khoa trung tâm An Giang	4.630.148.000
3	298	50	Băng thun	- Băng thun có kèm tra vi sinh. - Kích thước: rộng 10cm - dài ≥ 4,5m.	ISO	Cuộn/gói	Cuộn	N4	1.600	5.000	5	-	5	100		200	100	60	-	700	200	200		-	300	270	10	100	500	70	170	500	300	-	3.800	7300	21.490	Giá: 22.500 Bệnh viện Việt nam Thụy Điển Ung Ba Sĩ 360/QD- BVNVTD ngày 11 tháng 5, năm 2022	Giá: 21.000 Bệnh viện Việt nam Thụy Điển Ung Ba Sĩ 360/QD- BVNVTD ngày 11 tháng 5, năm 2022	KKG- 0610- 00013	30.550	22.500	Sơ Y tá TPHCM. Sĩ 826/QD- BVĐKS6 ngày 22 tháng 12 năm 2021	483.525.000	
4	304	51	Băng thun	- Băng thun có kèm tra vi sinh. - Kích thước: rộng 15cm - dài ≥ 4,5 m.	ISO	Cuộn/gói	Cuộn	N4	-	-	-	-	-	-	100	300	-	-	-	200	200	-	-	0	0	0	0	100	0	100	0	0	-	1.140	1000	2.970	Giá: 31.200 Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh. Sĩ 1122/QD- Trung tâm Tim mạch) Sĩ 5135/QD- BVDHYD ngày 13 tháng 6 năm 2022	Giá: 31.800 Bệnh viện E (bao gồm Trung tâm Tim mạch) Sĩ 5135/QD- BVE ngày 08 tháng 10 năm 2022	KKG- 0610- 00014	42.129	31.200	Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh. Sĩ 1122/QD- BV ngày 13 tháng 6 năm 2022	92.664.000		
5	310	52	Băng thun	- Băng thun có kèm tra vi sinh. - Kích thước: rộng 7,5cm - dài ≥ 4,5m.	ISO	Cuộn/gói	Cuộn	N4	400	-	-	-	-	-	100	-	-	-	320	50	-	-	250	0	0	0	0	0	0	50	0	300	-	-	1500	2.970	Giá: 18.200 Bệnh viện Quân 11. Sĩ 1497/QD- BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	Giá: 18.200 Bệnh viện Quân 11. Sĩ 1497/QD- BV ngày 05 tháng 5 năm 2022	KKG- 0610- 00015	24.700	18.200	Đại học Y Dược TP.Hồ Chí Minh. Sĩ 1122/QD- BV ngày 13 tháng 6 năm 2022	54.054.000		
Tổng số một hãng:																																												Tổng tiền:	#####

GÓI THẦU SỐ 10: GÓI CỘT SỐNG NĂM 2022 CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯU/QUANG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá	Thành tiền	
1	453	76	Bộ bơm xi măng không bóng	Vật liệu: nhựa y tế cao cấp và thép không gỉ, có van an toàn, áp lực bơm cao ≥120 bars.Dung tích chứa xi măng tối đa ≥ 10cc, gồm 06 bộ phận : 1 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với vòng xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lắp xylanh,1 phễu,1 pittong,1 xylanh,1 tay cầm, 1 ống nối. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	Bộ	Bộ	N3		5			5	Giá 10.000.000_Số: 2781/QĐ- BVĐKTV ngày 28 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Vật tư ngoại thần kinh	Giá 10.000.000_Số 529 /QĐ- BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022 Tên gói thầu: gói thầu số 05: Vật tư chấn thương chỉnh hình (gồm 139 mặt hàng, 36 phần)	1/ KKG-1126-00008 2/ KKG-1131-00012 3/ KKG-0801-00068 4/ KKG-1267-00018	1/ 12.000.000 2/ 17.000.000 3/ 20.000.000 4/ 20.000.000	10.000.000	Giá 10.000.000_Số 529 /QĐ-BVĐKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022 Tên gói thầu: gói thầu số 05: Vật tư chấn thương chỉnh hình (gồm 139 mặt hàng, 36 phần)	50.000.000
2	2389	399	Bộ trộn và phân phối xi măng	Vật liệu: Thép không gỉ, nhựa y tế, Bộ gồm: 01 tay trộn, 01 thân bộ trộn dung tích 70cc, 01 pittong , 01 phễu , 01 dây hút , 01 bộ kết nối, 01 kim tiêm, 01 xy lanh. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO,CE	Bộ	Bộ	N3		2			2	Giá 3.950.000. Bộ trộn và phân phối xi măng-Model: KYPHO - Bộ trộn và phân phối xi măng A07A/Medtronic-Mỹ. Quyết định số 1134/QĐ-SYT ngày 17/11/2021 Tên gói thầu: Mua vật tư y tế trong các cơ sở y tế công lập tỉnh Thanh Hóa năm 2022.	Giá 4.000.000_KYP_Bơm áp lực đẩy xi măng vào kim chọc đưa xi măng vào thân sống-Model: A07A/ Medtronic-Mỹ_Số 1320/QĐ- BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	1/ KKG-0004-08393 2/ KKG-1131-00024 3/ KKG-0071-00031	1/ 4.500.000 2/ 8.000.000 3/ 4.000.000	4.000.000	Giá 4.000.000_Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	8.000.000
3	6337	1057	Đốt sống nhân tạo dạng lồng hình trụ tròn.	Vật liệu: Titanium. Đường kính: ≥13mm. Dài ≥70mm. Dạng hình trụ tròn.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1		2		2	Giá 14.000.000 Số: 1039/QĐ- BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 14.500.000_Lồng titan 13mm x 70mm-Model: 905-xxx/Medtronic Sofamor Danek Manufacturing, Mỹ_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-04778 2/ KKG-0445-00451 3/ KKG-0445-00458	1/ 16.800.000 2/ 42.000.000 3/ 43.200.000	14.000.000	Giá 14.000.000 Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	28.000.000	
4	6500	1084	Dụng cụ đưa xi măng vào đốt sống	Vật liệu: Hợp kim y tế; Bao gồm ống rỗng nóng và dụng cụ đẩy có vạch chia dung tích. Dung tích ≥ 1.5cc. . Đường kính ≤ 4.2mm.	ISO, CE	1cái/hộp	Cái	N2		80	20	100	Giá 1.950.000_Dụng cụ đưa xi măng vào đốt sống-Model: F04B/Medtronic-Mỹ_Số: 2852/QĐ-BVDĐT ngày 20/07/2022. Tên gói thầu: gói thầu số 01: Vật tư y tế;	Giá 2.000.000_Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống-Model: F04B/Medtronic- Mexico_Số: 3115/QĐ-BVDKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	1/ KKG-0004-08395 2/ KKG-1131-00021 3/ KKG-0429-00667	1/ 2.500.000 2/ 2.000.000 3/ 3.150.000	1.950.000	Giá 1.950.000_Số: 2852/QĐ-BVDĐT ngày 20/07/2022. Tên gói thầu: gói thầu số 01: Vật tư y tế;	195.000.000	
5	7561	1261	Hệ thống bơm xi măng - Xi lanh bơm phồng bóng nong	Vật liệu: nhựa y tế. Có đồng hồ đo áp lực bóng qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa ≥400psi. Chế độ hiển thị là psi và atm. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		30	10	40	Giá 8.000.000_Xilanh bơm phồng bóng có đồng hồ đo áp lực bóng-Model: A08A/Merit-Mỹ_Số 1063 /QĐ-BVDKTV ngày 27 tháng 08 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Vật tư cho kỹ thuật tạo hình thần sống có bóng (bao gồm 07 mặt hàng)	Giá 8.000.000_Kyphon, bộ bơm áp lực có đồng hồ đo-Model: A08A/Merit Medical system, Inc- Mỹ_Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	1/ KKG-0004-08394 2/ KKG-1017-00282	1/ 10.400.000 2/ 14.000.000	8.000.000	Giá 8.000.000_Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	320.000.000	
6	7568	1262	Hệ thống bơm-Bóng nong thần đốt sống	Vật liệu; chủ yếu bằng thép 304, hợp kim y tế và nhựa. Có 2 điểm cân quang làm bằng vật liệu Platinum (90%), Iridium (10%). Chiều dài bóng ≤15mm . Đóng bộ với xilanh bơm phồng bóng có hiển thị áp lực qua màn hình LCD áp lực ≥ 400 psi trong xương xốp	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N2		30	10	40	Giá 12.000.000_Số 1063 /QĐ- BVĐKTV ngày 27 tháng 08 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Vật tư cho kỹ thuật tạo hình thần sống có bóng (bao gồm 07 mặt hàng)	Giá 12.000.000_Số 1320/QĐ- BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	1/ KKG-0004-08398 2/ KKG-0429-00673 3/ KKG-0698-00264	1/ 13.200.000 2/ 12.000.000 3/ 15.000.000	12.000.000	Giá 12.000.000_Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	480.000.000	
7	8377	1397	Kim chọc dò cuồng sống	Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế. Bao gồm: Kim mũi kim cương và trocar. Kích cỡ ≤ 11 Gauge. Chiều dài ≥ 98mm. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		100	10	110	2.000.000_Số: 3115/QĐ- BVĐKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	Giá 2.000.000_Kim chọc dò cuồng sống-Model: A02A/Argon-Mỹ_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-08392 2/ KKG-0413-00185 3/ KKG-1131-00019	1/ 2.200.000 2/ 2.400.000 3/ 3.500.000	2.000.000	Giá 2.000.000_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	220.000.000	

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVDKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯ/ÔNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kế hoạch	Căn cứ lấy giá	Thành tiền	
8	8414	1403	Kim chọc khoan đốt sống Size 3	Vật liệu : Hộp kim và nhựa y tế.Đường kính ngoài ≤4.2mm, có vạch chia trên thân ≥ 120mm, mũi khoan có vạch chia độ thể hiện độ sâu ≥ 40mm, có 2 kim mũi nhọn, 2 đầu tù. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N2		40	5	45	Giá 5.000.000_ Bộ kim và mũi khoan đốt sống , Size 3-Model: T15D/Medtronic- Mỹ_ Số 1063 /QĐ-BVDKTV ngày 27 tháng 08 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 04: Vật tư cho kỹ thuật tạo hình thân sống có bóng (bao gồm 07 mặt hàng)	Giá 5.000.000_ Bộ kim và mũi khoan đốt sống OIS, Size 3-Model: T15D/Medtronic- Mỹ /Mexico_ Số 529 /QĐ-BVDKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022 Tên gói thầu: gói thầu số 05: Vật tư chấn thương chỉnh hình (gồm 139 mặt hàng, 36 phần)	1/ KKG-0004-08400 2/ KKG-0004-09698	1/ 6.500.000 2/ 9.000.000	5.000.000	Giá 5.000.000_ Số 529 /QĐ-BVDKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022 Tên gói thầu: gói thầu số 05: Vật tư chấn thương chỉnh hình (gồm 139 mặt hàng, 36 phần)	225.000.000	
9	9309	1552	Miếng ghép cột sống cổ các cỡ	Vật liệu: PEEK. Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 3 điểm bằng vật liệu Titanium. Chiều rộng: ≤ 14mm. Chiều sâu: ≤11mm. Chiều cao: từ 4mm - 7mm. Độ uốn ≥ 4 độ. Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp.	ISO, CE	1cái/hộp	Cái	N3		2	2	4	Giá: 10.500.000_ Miếng ghép cột sống cổ-Model: 6211xxx/ 627xxxx/Medtronic/6211xxx/ Đức 627xxxx: Mỹ_ Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	Giá 11.000.000_ Miếng ghép cổ trước các cỡ-Model: 6211xxx/ 627xxxx/Medtronic Sofamor-Mỹ/ Đức_ Số 529 /QĐ-BVDKTV ngày 20 tháng 04 năm 2022 Tên gói thầu: gói thầu số 05: Vật tư chấn thương chỉnh hình (gồm 139 mặt hàng, 36 phần)	1/ KKG-0004-05091 2/ KKG-2317-00007 3/ KKG-0864-01379	1/ 12.600.000 2/ 13.200.000 3/ 19.500.000	10.500.000	Giá: 10.500.000_ Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	42.000.000	
10	9315	1553	Miếng ghép cột sống lưng, dạng cong, các cỡ	Vật liệu: PEEK. Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 4 điểm. Chiều dài ≤ 36mm. Chiều cao: từ 7mm - 14mm. Chiều rộng trước /sau ≤ 10mm. Độ uốn ≥ 6 độ. Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 0.72cc tùy kích thước. Có 2 đầu gắn dụng cụ đặt miếng ghép. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp.	ISO, CE	cái/gói	Cái	N3	5	80	55	140	Giá 11.500.000 Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022 Tên gói thầu: Vật tư y tế nhóm 2	Giá 12.000.000 Số: 2065/QĐ-BVQY4 ngày 31 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Cung cấp vật tư y tế	1/ KKG-0004-06206 2/ KKG-0054-00843 3/ KKG-1746-00158 4/ KKG-1183-00242	1/ 14.400.000 2/ 13.000.000 3/ 15.225.000 4/ 13.000.000	11.500.000	Giá 11.500.000 Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022 Tên gói thầu: Vật tư y tế nhóm 2	1.610.000.000	
11	9321	1554	Miếng ghép cột sống lưng, dạng thẳng, các cỡ	Vật liệu: PEEK. Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 3 điểm làm bằng Tantalum. Chiều dài: ≤22mm. Chiều cao từ 7mm - 12mm. Chiều rộng ≤10mm. Khoảng ghép xương từ 0.32cc - 0.6cc Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp.	ISO, CE	cái/gói	cái	N3		5	-	5	Giá 11.000.000 Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	Giá 12.000.000 Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022 Tên gói thầu: Vật tư y tế nhóm 2	1/ KKG-0004-05101 2/ KKG-0801-00098 3/ KKG-1183-00243	1/ 13.125.000 2/ 15.500.000 3/ 17.000.000	11.000.000	Giá 11.000.000 Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	55.000.000	
12	9343	1558	Miếng ghép đĩa đệm dùng độc lập các cỡ	Vật liệu: PEEK kèm nút xoay 90 độ khóa vít bằng hợp kim Titanium. Chiều Cao 5mm ≤ 7mm, chiều rộng ≤15mm, chiều sâu ≤12mm. Độ dày: cạnh sau ≤2.5mm, cạnh bên ≤2.3mm, cạnh trước ≤3.8mm. Độ nghiêng ≥ 6 độ. Số điểm đánh dấu cân quang ≥ 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titanium. Khoảng ghép xương từ 0.31cc - 0.43cc. Đóng bộ với vít cột sống có trước tự khoan hai bước ren có đường kính ≤ 3.5mm. Đóng gói tiết trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	cái/gói	cái	N1			6	3	9	Giá 22.000.000_ Miếng ghép đĩa đệm dùng độc lập, vật liệu PEEK và hợp kim titan-Model: G662xxxx/Medtronic- Mỹ_ Số 6026/QĐ-BV ngày 20/12/2021_ Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo_ Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	Giá 22.000.000_ Divergence-Miếng ghép đĩa đệm dùng độc lập, kèm vít-Model: G662xxxx, G663xxxx/ G662xxxx/Medtronic Sofamor Danek USA, Inc.,-Mỹ_ Số: 3115/QĐ-BVDKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	1/ KKG-0004-05157 2/ KKG-0270-00043	1/ 26.250.000 2/ 22.000.000	22.000.000	Giá 22.000.000_ Số: 3115/QĐ-BVDKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	198.000.000
13	9951	1659	Nẹp cổ trước kèm khóa mũ	Vật liệu: Hộp kim Titanium. Chiều Dài từ 32.5mm -47.5mm. Trên nẹp có khóa vít xoay 90 độ để khóa vít. Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát đĩa đệm cổ. Chiều dày nẹp ≤ 2.5mm. Chiều rộng: chỗ rộng nhất ≤17.8mm. Bán kính cong dọc ≤184mm, bán kính cong ngang ≤ 25mm. Đóng bộ với vít đơn hướng tự taro đường kính ≤4.0mm.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1			2	2	4	Giá 12.000.000_ Nẹp đốt sống cổ trước-Model: 7200xxx/Medtronic- Mỹ_ Số 6026/QĐ-BV ngày 20/12/2021_ Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo_ Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	Giá 12.500.000_ ALT Elite_Nẹp đốt sống cổ trước-Model: 7200xxxx/Medtronic Sofamor Danek USA, Inc.,-Mỹ_ Số: 1575/QĐ-BV ngày 27 tháng 10 năm 2021 Tên gói thầu: Gói 3 cung cấp vật tư, hoá chất y tế cho các kỹ thuật cao phục vụ công tác khám chữa bệnh năm 2021 bằng nguồn thu dịch vụ kỹ thuật y tế của Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên . Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi	1/ KKG-0004-04798 2/ KKG-0270-00081 3/ KKG-0801-00027	1/ 13.900.000 2/ 18.600.000 3/ 13.000.000	12.000.000	Giá 12.000.000_ Số 6026/QĐ-BV ngày 20/12/2021_ Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	48.000.000
14	9975	1663	Nẹp dọc cứng	Vật liệu: Hộp kim Cobalt Chrome. Đường kính ≤4.75mm, chiều dài 500mm, . Đóng bộ với vít đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gây khi vận đủ lực có chiều cao ban đầu ≥ 12.9mm.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1		8	20	28	Giá 5.000.000_ Số 1067/QĐ-BVDHYHN ngày 02 tháng 08 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Cột sống gồm 28 phần (58 danh mục)	Giá 5.000.000_ Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-04727 2/ KKG-0405-00123 3/ KKG-0801-00097	1/ 7.500.000 2/ 9.282.875 3/ 5.800.000	5.000.000	Giá 5.000.000_ Số 1067/QĐ-BVDHYHN ngày 02 tháng 08 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Cột sống gồm 28 phần (58 danh mục)	140.000.000	

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯ/ÔNG TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá	Thành tiền
15	9979	1664	Nẹp dọc cứng 5.5x500mm	Đường kính ≤5.5mm, Chất liệu: Hợp kim Titanium. Dài ≥500mm, Có đường kẻ dọc trên nẹp để đánh dấu khi xoay nẹp khi chỉnh gù vẹo. Đồng bộ với vít đa trục và vít khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu ≥13mm.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1	5	50	50	105	Giá 1.450.000_Nẹp dọc cột sống ngược/thắt lưng-Model: 869-021 855-011/Medtronic-Mỹ_Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyển môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 1.500.000_Nẹp dọc 5,5mm x 50cm-Model: 869-021 855-011/Medtronic Puerto-Mỹ_Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	1/ KKG-0004-04774 2/ KKG-0057-04561 3/ KKG-1267-00186	1/ 1.500.000 2/ 2.800.000 3/ 2.800.000	1.500.000	Giá 1.500.000_Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	157.500.000
16	9993	1666	Nẹp dọc đa tầng, qua da	Vật liệu: Titanium. Đường kính ≤ 5.5mm. Chiều dài từ 70mm - 130mm.Có 2 đầu tù để gắn chặt vào dụng cụ luồn qua da. Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong qua da tự gây khi vận đủ lực có chiều cao ban đầu ≥10.3mm.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1		20	-	20	Giá 6.500.000_CDH- Nẹp dọc thẳng các cỡ từ 70mm đến 120 mm-Model: 757xxxx/Medtronic-Mỹ_Số: 2781/QĐ-BVVTN ngày 28/12/2021. Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Vật tư ngoại thần kinh_Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	Giá 7.000.000_CDH- Nẹp dọc thẳng các cỡ từ 70mm đến 120 mm-Model: 757xxxx/Medtronic-Mỹ_Số: 2993/QĐ-BV ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Bệnh viện Quân y 175 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho phẫu thuật cột sống, sọ não và hàm mặt	1/ KKG-0004-04742 2/ KKG-0405-00123 3/ KKG-0080-00120	1/ 7.500.000 2/ 9.282.875 3/ 7.050.000	6.500.000	Giá 6.500.000_Số: 2781/QĐ-BVVTN ngày 28/12/2021. Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Vật tư ngoại thần kinh_Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	130.000.000
17	10023	1671	Nẹp dọc	Vật liệu: hợp kim Titanium. Chiều dài ≥ 240mm, Đường kính ≤ 3.2mm. Đồng bộ với vít cột sống cổ lõi sau đa trục có sau và vít khóa trong có lồng phía trong lực giác ≤ 2.5mm	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		4	-	4	Giá 950.000_Nẹp dọc - VERTEX/Model: 6900240/Medtronic - Mỹ_Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyển môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 1.000.000_Nẹp dọc cột sống cổ lõi sau, vật liệu titan, 3.2mm x 240mm/Model: 6900240/Medtronic-Mỹ_Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	1/ KKG-0004-06346 2/ KKG-0719-00057 3/ KKG-0719-00040	1/ 1.155.000 2/ 5.200.000 3/ 1.680.000	1.000.000	Giá 1.000.000_Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	4.000.000
18	13309	2219	Vít tự khoan, titan, các cỡ	Vít tự khoan có hai bước ren. Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính ≤3.5mm Chiều dài: từ 13mm - 15mm. Có phần ren xương cứng ≥5.2mm. Độ nghiêng của vít khi khóa nẹp:(Khi dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-duôi ≥40 độ, Hướng ra ngoài ≥8 độ. Không dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-duôi từ 27 độ - 47 độ, Hướng ra ngoài 1 độ ≤ 10 độ.) Đồng bộ với Miếng ghép đĩa đệm PEEK nghiêng liên nẹp cổ trước có nút xoay khóa vít. Đồng gói tiệt trùng.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1		12	6	18	Giá 2.000.000_Vít tự khoan, tự tạo các cỡ-Model: G662xxxx/ G663xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 6026/QĐ-BV ngày 20/12/2021. Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo_Bệnh viện Trung ương quân đội 108-Bộ Quốc phòng	Giá 2.000.000_Divergence-Vít tự khoan/ tự Tạo các cỡ-Model: G663xxxx/ G662xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 3115/QĐ-BVDKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	1/ KKG-0004-05475 2/ KKG-1267-00032 3/ KKG-0801-00029	1/ 3.250.000 2/ 2.400.000 3/ 2.300.000	2.000.000	Giá 2.000.000_Số: 3115/QĐ-BVDKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	36.000.000
19	13461	2244	Vít đa trục	Vật liệu: hợp kim Titanium, rỗng nông qua da. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là ≥ 28 độ. Đường kính: từ 5.5mm - 6.5mm. Chiều dài từ 30mm - 45mm. Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính ≤5.5mm và ốc khóa trong tự gây khi vận đủ lực có chiều dài ban đầu là ≥10.3mm.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		40	-	40	Giá 6.500.000-Model: 757xxxx/Medtronic Puerto Rico Operations Co., Humacao, Mỹ_Số 595/QĐ-BVTN ngày 07 tháng 4 năm 2022 Tên gói thầu: Vật tư y tế nhóm 2	Giá 7.000.000_Vít cột sống qua da Sextant II các cỡ -Model: 757xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-06056 2/ KKG-0709-00361 3/ KKG-1230-00044	1/ 8.347.500 2/ 8.950.000 3/ 8.820.000	7.000.000	Giá 7.000.000_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	280.000.000
20	13485	2248	Vít đa trục dài các cỡ	Vật liệu: Hợp kim Titanium Cobalt Chrome Đường kính từ 4.0mm - 6.5mm. Chiều dài từ 20mm - 45mm, Chiều cao mũ vít ≤14.8mm.Thân vít có 2 bước ren: phần ren trong xương xốp có khoảng cách giữa 2 bước ren là ≤4mm và phần ren trong xương cứng có khoảng cách giữa hai bước ren là ≤2mm. Đồng bộ với ốc khóa trong tự gây khi vận đủ lực có chiều cao ban đầu là ≥ 12.9mm và nẹp dọc đường kính ≤4.75mm	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		40	80	120	Giá: 7.500.000_Vít đa trục 2 bước ren- Model: 5484000xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	Giá: 7.800.000_CD Horizon Solera - Vít đa trục 2 bước ren-Model:5484000xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 6026/QĐ-BV ngày 20 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo	1/ KKG-0004-06308 2/ KKG-1746-00094 3/ KKG-0647-00011	1/ 10.500.000 2/ 7.875.000 3/ 9.200.000	7.500.000	Giá: 7.500.000_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	900.000.000
21	13503	2251	Vít đa trục, cánh ren ngược, titan, các cỡ	Vật liệu: Hợp kim Titanium , đường kính: từ 4.0mm - 7.5mm, chiều dài từ 20mm - 55mm. Chiều cao mũ vít ≤ 16.1mm. Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là ≥ 28 độ. Đồng bộ với nẹp dọc đường kính ≤5.5mm và vít khóa trong tự gây khi vận đủ lực có chiều dài ban đầu là ≥13mm.	ISO, CE	cái/gói	cái	N1	20	300	250	570	Giá 5.200.000_Vít cột sống ngược/thắt lưng đa trục, vật liệu hợp kim titan, 5.5mm-Model: 7544xxxx/Medtronic-Mỹ_Số 6026/QĐ-BV ngày 20 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo	Giá 5.500.000_Vít đa trục các cỡ-Model:7544xxxx/Medtronic Puerto Rico-Mỹ_Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	1/ KKG-0004-06051 2/ KKG-1230-00025 2/ KKG-0959-00241	1/ 6.100.000 2/ 5.900.000 3/ 6.000.000	5.300.000	Giá 5.300.000 - Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022_Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam	3.021.000.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯU/QU TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Cần cứ lấy giá	Thành tiền
22	13623	2271	Vít khóa trong	Vật liệu: hợp kim Titanium, Chiều cao ban đầu ≥10.3mm. Tự gây khi vận đủ lực. Chiều cao của phần vít khóa sau khi bẻ vít ≤ 4.7mm. Đường kính ≤ 8.9mm.Đồng bộ Vít cột sống qua da đa trục 5.5 và nẹp dọc qua da đường kính ≤ 5.5mm	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		40	-		Giá 1.400.000 _Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 1.500.000 _Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	1/ KKG-0004-04775 2/ KKG-1267-00199 3/ KKG-0924-00025	1/ 1.950.000 2/ 1.500.000 3/ 1.500.000	1.500.000	Giá 1.500.000 _Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022	60.000.000
23	13629	2272	Vít khóa trong	Vật liệu: Hợp kim Titanium. Vít có đặc tính với đầu tù để tránh trượt ren. Đường kính ≤ 7.9mm. Chiều cao ban đầu ≥ 12.9mm. Chiều cao sau khi bẻ vít ≤ 4.9mm. Công nghệ cánh ren ngược, tự gây khi vận đủ lực. Đồng bộ với vít đa trục 2 bước ren và nẹp dọc đường kính ≤4.75mm.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		40	80	120	Giá 1.500.000 _Vít khóa trong tự ngắt-Model: 5440030/Medtronic-Mỹ _Số 1067/QĐ-BVDHYHN ngày 02 tháng 08 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Cột sống gồm 28 phần (58 danh mục)g	Giá 2.000.000 _Vít khóa trong tự ngắt-Model: 5440030/Medtronic-Mỹ _Số 6026/QĐ-BV ngày 20 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao cho chấn thương chỉnh hình và cấy ghép nhân tạo	1/ KKG-0004-04729 2/ KKG-0405-00071 3/ KKG-0080-00119	1/ 2.500.000 2/ 1.650.000 3/ 2.550.000	1.500.000	Giá 1.500.000 __Số 1067/QĐ-BVDHYHN ngày 02 tháng 08 năm 2022	180.000.000
24	13635	2273	Vít khóa trong cổ sau	Vật liệu: hợp kim Titanium. Đường kính ≤ 6mm. Chiều cao ≤ 3.7mm. Lòng phía trong hình lục giác ≤ 2.5mm. Đồng bộ với vít xỏ đa trục cổ sau và nẹp dọc đường kính ≤ 3.2mm	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		24	-	24	Giá 950.000 _VERT-Vít khoá trong/Model: 6950315/Medtronic-Mỹ _Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 1.000.000 _Vít ốc khoá trong cột sống cổ sau-Model: 6950315/Medtronic Puerto Rico-Mỹ _Số 2141/QĐ-BVE ngày 22 tháng 7 năm 2022 Tên gói thầu: Gói thầu số 7: Cung cấp vật tư tiêu hao kỹ thuật cao (gồm 425 danh mục chia thành 386 phần)	1/ KKG-0004-06351 2/ KKG-1267-00034 3/ KKG-0801-00031	1/ 1.000.000 2/ 1.000.000 3/ 1.200.000	1.000.000	Giá 1.000.000 - Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam	24.000.000
25	13647	2275	Vít khóa trong tự gây	Vật liệu: hợp kim Titanium. Được thiết kế tính năng tự gây khi vận đủ lực. Chiều cao ban đầu ≥13mm, sau khi bẻ vít thì chiều cao còn lại ≤ 4.7mm. Đường kính ≤ 9mm. Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính ≤ 5.5mm.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1	20	300	250	570	Giá 1.000.000 _Vít khóa trong cột sống ngực/thắt lưng, vật liệu hợp kim titan, 5.5mm/Model: 7540020/Medtronic-Mỹ _Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 1.500.000 _LGC- Vít, ốc khoá trong/Model: 7540020/Medtronic Sofamor-Mỹ _Số 764/QĐ-NTP ngày 18 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: MUA SẮM VẬT TƯ Y TẾ KỸ THUẬT CAO CHUYÊN KHOA NGOẠI THẦN KINH LẦN 2 NĂM 2022	1/ KKG-1126-00009 2/ KKG-1267-00199 3/ KKG-0924-00025	1/ 1.500.000 2/ 1.500.000 3/ 1.500.000	1.400.000	Giá 1.400.000 - Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam	798.000.000
26	13839	2307	Vít xỏ đa trục các cỡ	Vật liệu: hợp kim Titanium. Vít tự taro. Chiều cao mũ vít ≤ 10.8mm. Đường kính vít từ 3.5mm - 4.0 mm. Chiều dài vít từ 10mm - 32mm. Đồng bộ với nẹp dọc ≤ 3.2mm. Góc nghiêng tối đa ≥ 45 độ. Đồng bộ với vít khóa trong cổ sau và nẹp dọc đường kính ≤3.2mm.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		24	-	24	Giá 4.650.00 _Vít xỏ cột sống có lõi sau, đa trục, vật liệu hợp kim titanium, ren xương xỏp, 3.2/3.5mm/Model: 6958xxx/Medtronic-Mỹ _Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyên môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 5.000.000 _Vít xỏ đa trục cột sống cổ sau vật liệu titan các cỡ/Model: 6958xxx/Medtronic-Mỹ _Số 549/QĐ-BVH ngày 15 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua bộ nẹp vít chấn thương cổ sau, chàm cổ uốn sẵn các cỡ	1/ KKG-0004-06194 2/ KKG-0064-00080 3/ KKG-0445-00571	1/ 6.300.000 2/ 6.000.000 3/ 5.900.000	5.000.000	Giá 5.000.000 - Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 _Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam	120.000.000
27	13851	2309	Vít xỏ đơn hướng tự taro	Vật liệu: Hợp kim Titanium . Vít tự taro. Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 13mm ≤ 15mm, Khi bắt vào nẹp: Góc nghiêng của vít đơn hướng là ≥12 độ lên trên/xuống dưới, ≥6 độ từ trong ra ngoài. Cờn Góc nghiêng của vít đa hướng ≥ 22 độ lên trên/xuống dưới; ≥ 17 độ từ trong ra ngoài. . Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N1		12	16	28	Giá 950.000 _Vít xỏ đơn hướng và đa hướng tự Taro, các cỡ/Model: ALT ELITE - Vít xỏ đơn hướng và đa hướng tự Tarô, các cỡ' 3120213; 3120214; 3120215; 3120216; 3120217; 3120513; 3120514; 3120515; 3120516/Medtronic-Mỹ _Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	Giá 1.000.000 _Vít cột sống có đơn hướng, đa hướng tự taro, tự khoan, vật liệu hợp kim titanium/Model: 312xxxx/Medtronic-Mỹ _Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-05498 2/ KKG-1267-00032 3/ KKG-0801-00029	1/ 1.300.000 2/ 2.400.000 3/ 2.300.000	1.000.000	Giá 1.000.000 _Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	28.000.000
28	14055	2343	Xi măng sinh học, kèm dung dịch pha	Là loại xi măng có độ kết dính cao, có cân quang. Thời gian làm việc (tính từ lúc trộn xi măng đến lúc chờ đông) ≥ 8 phút ở nhiệt độ 22 độ C. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp. Thành phần gồm xi măng bột và dung dịch pha.	ISO, CE	1 cái/gói	Cái	N3		50	5	55	Giá 7.400.000 _Xi măng sinh học , kèm dung dịch pha-Model: KYPHO - Xi măng sinh học , kèm dung dịch pha C01A/Medtronic/ Tecres spa-Mỹ/Italia _Số 1320/QĐ-BVDHYD ngày 01 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Cung cấp vật tư y tế tiêu hao chuyên khoa Tim mạch, Chấn thương chỉnh hình và Ngoại thần kinh năm 2022	Giá 8.000.000 _Xi măng sinh học kèm dung dịch pha-Model: C01A/Tecres spa-Italy _Số: 2852/QĐ-BVDT ngày 20/07/2022. Tên gói thầu: gói thầu số 01: Vật tư y tế;	1/ KKG-0004-08401 2/ KKG-1127-00003 3/ KKG-0405-00016	1/ 8.100.000 2/ 10.000.000 3/ 8.350.000	8.000.000	Giá 8.000.000 - Số: 2852/QĐ-BVDT ngày 20/07/2022. Tên gói thầu: gói thầu số 01: Vật tư y tế	440.000.000

STT	STT Danh Mục	STT GỐC	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Phân nhóm TCKT	Số lượng BV ĐKKV QUẢNG NAM	Số lượng BV ĐA KHOA TỈNH	Số lượng BVĐKK VMNPB	TỔNG SỐ LƯU/QU TOÀN TỈNH	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BHYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Giá trúng thầu thấp nhất trên cổng BHYT (26/08/2021 - 26/08/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kê hoạch	Căn cứ lấy giá	Thành tiền
29	14085	2348	Xương bảo quản	Thành phần hoá học: ≥15% Hydroxyapatite và ≥ 85% beta-Tricalcium Phosphate. Cấu trúc vật lý: . Kích thước hạt: 1.6mm ≤ 3.2mm. Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người. Dung tích ≥10cc.	ISO, CE	1 gói/hộp	Gói	N3		12	2	14	Giá 7.180.000_Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyển môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	Giá 8.000.000_Số: 3115/QĐ-BVĐKT ngày 11 tháng 3 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình	1/ KKG-0004-04725 2/ KKG-0917-00017 3/ KKG-0917-00015	1/ 9.000.000 2/ 8.400.000 3/ 9.030.000	7.180.000	Giá 7.180.000_Số: 1039/QĐ-BVBM ngày 04 tháng 05 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư phục vụ nhu cầu chuyển môn cho Khoa Chấn thương chỉnh hình và Cột sống	100.520.000
30	14091	2349	Xương bảo quản dạng khử khoáng	Đã khử khoáng, cấu trúc dạng ma trận kích thích mọc xương. Có chất mang là Glycerol. Dung tích ≥1cc, dạng gel.Có thể tiêm được qua da và trộn với các mảnh xương xốp nhỏ. Đóng gói tiệt trùng sẵn trong hộp	ISO, CE	1 gói/hộp	Gói	N3		5	3	8	Giá 10.000.000_Số: 2781/QĐ-BVVTN ngày 28 tháng 12 năm 2021 Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Vật tư ngoại thần kinh	Giá 10.500.000_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	1/ KKG-0004-04723 2/ KKG-0746-00051 3/ KKG-0917-00021	1/ 11.000.000 2/ 14.700.000 3/ 13.548.150	10.500.000	Giá 10.500.000_Số 2056/QĐ-BV ngày 20 tháng 07 năm 2022 Tên gói thầu: Mua sắm vật tư y tế chấn thương chỉnh hình năm 2022 (Gồm 09 phần)	84.000.000
Tổng cộng: 30 mặt hàng																		Tổng tiền:	9.982.020.000

(Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT	STT đánh giá	STT gói	Tên gói hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Quy cách	Đơn vị tính	Nhóm TCKT	Số lượng BV HN AN	Số lượng BV ĐKV QUANG NAM	Số lượng BV ĐA LỄU	Số lượng BV PHAM NGOC THACH	Số lượng BV YHCT	Số lượng BV SAN NH	Số lượng TTYT BAC TRIA MY	Số lượng TTYT DIEN BAN	Số lượng TTYT ĐÔNG GIANG	Số lượng TTYT DUY XUYEN	Số lượng TTYT HEP DUC	Số lượng TTYT HAI LOC	Số lượng TTYT PHU NINH	Số lượng TTYT THIEN PHUOC	Số lượng TTYT NONG SON	Số lượng TTYT PHUOC SON	Số lượng TTYT QUE SON	Số lượng TTYT TAY GIANG	Số lượng TTYT THANH BINH	Số lượng TTYT TAM KY	Số lượng TRUONG CHYT	Số lượng TTYT NAM GIANG	Số lượng BV MAT	Số lượng BV ĐKKVN NPB	Số lượng CHC	Tổng số lượng	Giá trúng thầu thấp nhất trên công BHYT (21/7/2021 - 21/7/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên công BHYT (21/7/2021 - 21/7/2022)	Mã kê khai: Gói kê khai	Giá kê hoạch	Căn cứ ủy quyền kế hoạch	Thành tiền (VNĐ)		
1	7350	1225	Test thử nước tiểu 10 thông số	Đông để phân tích nước tiểu thông qua sự biến đổi màu của que thử: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose	ISO	Hộp 100 test	test	N3	1000	10000	800	200		2000	1500	5000	2500		1500	400	2000	300	2000		1800	1500		1000				800	1500	1000	1000	37.800	1/ Giá 2.430 VNĐ/test ; Số 46/QĐ-BVNM ngày 01 tháng 6 năm 2022; Bệnh viện nhi Phú Yên	3/ Giá 7.350 VNĐ/test ; Số 221/QĐ-TTYY ngày 09 tháng 05 năm 2022; Trung tâm Y tế huyện Huân An	1- KKG-0540-00001 ; Giá KX: 1.620 test; 100.000/100 test= 5.000/test ; 2- KKG- 9443-00004 ; Giá KX: 780.000/100test= 7.800/test	2.430	Giá 2.430 VNĐ/test ; Số 46-QĐ-BVNM ngày 01 tháng 6 năm 2022; Bệnh viện nhi Phú Yên	91.476.000
2	7353	1226	Test thử nước tiểu 11 thông số	Đông để phân tích nước tiểu thông qua sự biến đổi màu của que thử: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Acetone, Acid	ISO	Hộp/ 150 test	test	N3		150					600				300		900					3000									4.950	1/ Giá: 760.000 VNĐ / 150 test= 5.066/test ; Quyết định số 180/QĐ-BVTT, ngày 09/04/2022; Bệnh viện Tân Phú	2/ Giá: 825.000/ 150 test= 5.500/test. Số 323/QĐ-BVNT ngày 26 tháng 03 năm 2022; Bệnh viện Hùng Vương	1- KKG- 1058-00170 ; Giá KX: 5.390 VNĐ/test ; 2- KKG- 0277-00011 ; Giá KX: 7.300 VNĐ/test	5.866	Giá: 760.000 VNĐ/ 150 test= 5.066/test ; Quyết định số 180/QĐ-BVTT, ngày 09/04/2022; Bệnh viện Tân Phú	25.076.700	
3	7360	1227	Test thử nước tiểu 13 thông số	Đo được 13 thông số nước tiểu bao gồm Urobilinogen, microalbumin, bilirubin, urobilin, creatinin, nitrit, protein, nitrit, bạch cầu, glucose, trong huyết công, pH, nitrit acetohe	ISO	Hộp 100 test	test	N4	2000	0			1000						1500				300					1000	1500							7.300	Giá: 10.500 test. Số Y tế tỉnh Thanh Hóa Số: 964/QĐ-SYT ngày 13 tháng 9 năm 2021; KKG- 0511-00125 ; 1.400.000/100 test=		1- KKG- 0511-00125; Giá: 1.400.000/100 test= 14.000 test.	10.500	Giá: 10.500 test. Số Y tế tỉnh Thanh Hóa Số: 964/QĐ-SYT ngày 13 tháng 9 năm 2021.	76.650.000
Tổng số:		3 gói hàng																																				Tổng tiền:	193.202.700			

Phụ lục XII
GỎI (Kèm theo Quyết định số: 3157 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

STT danh mục	STT gốc	STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	Nhóm TCKT	Đơn vị tính	BV Hội An	Phước Ninh	Duy Xuyên	Bắc Trà My	Đông Giang	Nông Sơn	Tây Giang	Thăng Bình	Nam Giang	Hải Đức	TTTT Tiên Phước	TTTT Điện Bàn	Quế Sơn	Phước Sơn	CDC	BV Phạm Ngọc Thạch	BV Tâm Tân	BV DK Quảng Nam	BV MN Bắc Bình	BV ĐKKV Quảng Nam	BV Đa Liễu	TTTT Nam Trà My	TTTT Tam Kỳ	BV Sơn Nhì	Tổng số lượng	Giá trúng thầu thấp nhất trên công BYT (21/8/2021 - 21/8/2022)	Giá trúng thầu không gần trên công BYT (21/8/2021 - 21/8/2022)	Giá trúng thầu cao nhất trên công BYT (21/8/2021 - 21/8/2022)	Mã kê khai	Giá kê khai	Đơn giá kế hoạch	Các cơ lý giá kế hoạch	Tổng tiền
1	84	14	Test nhanh HBsAg	Để phát hiện định tính kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	400	100	600	100	300	300	0	100	250	500	100	200	150	300	700	50		13000	2000	2000	1500	100	300	200	23250	Giá: 6.993. Số: 173/QĐ-SYT ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng	Giá: 9.975; Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh ngày 22 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng	Giá: 17.430. Số: 2133/QĐ-BVĐK ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	1, 2, KKG-1811-00004 3,	16.800	9.975	Số: 119/QĐ-Được, ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	231.918.750
2	810	135	Test nhanh Dengue IgG/IgM	Để phát hiện định tính kháng thể sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương hoặc mẫu toàn phần để hỗ trợ chẩn đoán nhiễm virus sốt xuất huyết. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	1000	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0	0	0	50	0	500	1000	0	0	0	0	0	3050	Giá: 30.000. Số: 389/QĐ-SYT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và QĐ số 590/QĐ-SYT ngày 08/4/2022. Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	Giá: 39.900. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022; Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn. KKG-0104670584-00046: 40.110/ test	Giá: 55.000. Số: 268/QĐ-BV ngày 28/01/2022. Bệnh viện Đa khoa Hà Nội	1, 2, KKG-0104670584-00046 3,	40.110	39.900	Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	121.695.000
3	816	136	Test nhanh Dengue NS1 Ag	Để phát hiện định tính kháng nguyên sốt xuất huyết trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	5000	300	6000	200	200	700	120	500	500	1500	200	0	200	1000		50		1000	5000	6000	0	200	500	2000	31170	Giá: 45.500. Số: 389/QĐ-SYT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và QĐ số 590/QĐ-SYT ngày 08/4/2022. Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	Giá: 48.950. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022; Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn. KKG-0372-00020: 92.160/ test	Giá: 64.995. Số: 1575/ QĐ-BVĐK CP ngày 25 tháng 12 năm 2021; Bệnh viện đa khoa Cẩm Phả	1, 2, KKG-0372-00020 3,	92.160	48.950	Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	1.525.771.500
4	834	139	Test nhanh HIV 1/2	Để phát hiện định tính các type kháng thể IgG, IgA, đặc hiệu với HIV-1 và HIV-2, trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	400	50	0	200	300	300	0	0	150	400	0	25	0	300	700	0		3000	0	100	300	0	300	100	6625	Giá: 14.910. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. KKG-0104670584-00016: 18.060/ test	Giá: 17.560/ test. Số: 177/QĐ-TTYT ngày 24 tháng 6 năm 2022. Trung tâm Y tế huyện Ea Kar Đắk Lắk. KKG-0104670584-00016: 18.060/ test	Giá: 35.000. Số: 417/QĐ-BVĐK ngày 11 tháng 08 năm 2022. Trung tâm Y tế huyện Ea Kar Hà Nội. KKG-0893-00050: 36.750/ test	1, 2, KKG-0104670584-00016 3,	18.060	17.560	Số: 177/QĐ-TTYT ngày 24 tháng 6 năm 2022. Trung tâm Y tế huyện Ea Kar Đắk Lắk	116.335.000
5	840	140	Test nhanh Syphilis	Để phát hiện định tính kháng thể kháng Treponema pallidum (Tp) trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	100	0	50	0	300	300	0	0	0	0	0	0	80	25	0	0	0	3000	0	2000	0	0	100		5955	Giá: 9.975. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. KKG-0990-00089: 9.975/ test	Giá: 21.000. Số: 117/QĐ-BVĐK ngày 26 tháng 01 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Giá: 21.000. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 26 tháng 01 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	1, 2, KKG-0990-00089 3,	9.975	9.975	Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	59.401.125
6	4047	675	Test nhanh HCV	Để phát hiện định tính phát hiện kháng thể kháng HCV trong huyết thanh hoặc huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	500	0	200	0	0	0	0	0	0	100	0	0	20	30	400	50	0	5150	0	100	0	100	100		6750	Giá: 9.400. Số: 680/QĐ-BVPTU ngày 05 tháng 8 năm 2022. Bệnh viện Phủ Trung ương.	Giá: 18.900. Số: 119/QĐ-Được, ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. KKG-0893-00063: 36.750/test	Giá: 28.560. Số: 988/QĐ-BV ngày 13 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện Sơn Tinh Phú Thọ	1, 2, KKG-0893-00063: 36.750 3,	36.750	18.900	Số: 119/QĐ-Được, ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	127.575.000
7	5753	959	Test nhanh Morphine/Heroin	Để phát hiện định tính nhóm chất thuộc phiện Morphine (Heroin) trong nước tiểu. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	0	0	0	50	0	300	0	100	150	0	0	0	100	0	0	0	0	180	0	0	0	0	200	0	1080	Giá: 8.400/ test. Số: 569/QĐ-BVĐKGC ngày 08 tháng 8 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công tỉnh Tiền Giang. KKG-1811-00008: 18.900/ test	Giá: 14.300. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	Giá: 14.300. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công tỉnh Tiền Giang	1, 2, KKG-1811-00008 3,	18.900	8.400	Số: 569/QĐ-BVĐKGC ngày 08 tháng 8 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Gò Công tỉnh Tiền Giang	9.072.000
8	4457	743	Test chẩn đoán viêm da dị ứng trong nốt sùi (H. Pylori test)	Dùng trong nốt sùi da dày. Phát hiện vi khuẩn Helicobacter pylori trong các mẫu sinh thiết (dịch rửa) da dày. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	500	0	200	0	0	0	0	0	50	350	100	0	0	30	50	0	0	150	0	100	0	0	0	1530	Giá: 11.500. Số: 173/QĐ-SYT ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng	Giá: 12.300. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. KKG-0218-00224: 20.000/ test	Giá: 12.500. Số: 417/QĐ-BVĐK ngày 30 tháng 6 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Ngãi	1, 2, KKG-0218-00224 3,	20.000	12.300	Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	18.819.000	
9	4461	744	Test chẩn đoán H.pylori Ab trong máu	Để phát hiện định tính kháng thể H.pylori trong huyết thanh, huyết tương. Độ nhạy: ≥ 97% Độ đặc hiệu: ≥ 99%;	ISO	N6	test	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	500	0	0	0	0	0	500	Giá: 23.100. Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn. KKG-0104670584-00049: 24.150/ test	Giá: 24.150. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	Giá: 24.150. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	1, 2, KKG-0104670584-00049 3,	24.150	23.100	Số: 593/QĐ-BVHM ngày 12 tháng 7 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa Khu vực Hóc Môn	11.550.000	
10	7390	1232	Test thử thai (hCG)	Phát hiện định tính hCG trong nước tiểu của người. Độ nhạy: ≥ 95% Độ đặc hiệu: ≥ 98%;	ISO	N6	test	300	0	50	0	0	200	0	100	300	0	0	100	50	50	0	0	0	0	200	0	0	100		1450	Giá: 6.300. Số: 389/QĐ-SYT ngày 04 tháng 3 năm 2022 và QĐ số 590/QĐ-SYT ngày 08/4/2022. Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi	Giá: 7.785. Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị. KKG-0104670584-00065: 7.785/ test	Giá: 8.988. Số: 198/QĐ-BVĐK ngày 07 tháng 03 năm 2022. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Vĩnh Phúc	1, 2, KKG-0104670584-00065 3,	7.785	7.785	Số: 525/QĐ-BVĐK ngày 10 tháng 5 năm 2022. Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Trị	11.288.250	
11	8081	1347	Test ma túy 4 trong 1	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu gồm: Morphine, Heroin, Amphetamine, Methamphetamine, Marijuana (cần sa) /THC. Độ nhạy: ≥ 95% Độ đặc hiệu: ≥ 98%;	ISO	N6	test	1000	100	300	0	20	0	30	0	150	100	0	200	0	150	0	0	140	50	500	130	0	100	0	2970	Giá: 41.300. Số: 173/QĐ-SYT ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế thành phố Đà Nẵng	Giá: 42.000/ test. Số: 119/QĐ-Được, ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh. KKG-1811-00007: 65.000/ test	Giá: 50.200. Số: 2779/QĐ-BVVTN ngày 28 tháng 12 năm 2021. Bệnh viện Đa khoa vùng Tây Nguyên	1, 2, KKG-1811-00007 3,	65.000	42.000	Số: 119/QĐ-Được, ngày 19 tháng 07 năm 2022. Bệnh viện Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh	124.740.000	

